

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17/2013/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày 31 tháng 7 năm 2013

NGHỊ QUYẾT

**Về đầu tư, bảo tồn, tôn tạo, chống xuống cấp hệ thống
di tích lịch sử, văn hóa tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2013 - 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 10 năm 2001 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa;

Xét Tờ trình số 2209/TTr-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2013 của UBND tỉnh kèm theo Đề án số 2209/ĐA-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2013 về đầu tư bảo tồn, tôn tạo, chống xuống cấp hệ thống di tích lịch sử văn hóa tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2013 - 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội và ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc đầu tư, bảo tồn, tôn tạo, chống xuống cấp hệ thống di tích lịch sử, văn hóa tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2013 - 2020, với các nội dung chính sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Ngăn chặn có hiệu quả tình trạng xuống cấp của hệ thống di tích và nguy cơ mất mát, hư hỏng của di tích. Nâng cao tính bền vững, đảm bảo sự tồn tại lâu dài của hệ thống di sản này.

Đẩy mạnh công tác quản lý nhà nước đối với hệ thống di tích trên địa bàn, thực hiện tốt công tác bảo tồn, phát huy các giá trị di tích, lưu giữ truyền thống văn hóa,

lịch sử dân tộc. Tạo ra những sản phẩm đặc thù có giá trị lịch sử văn hóa giáo dục truyền thống, phục vụ nhu cầu hưởng thụ của các tầng lớp nhân dân và phát triển du lịch.

Huy động mọi nguồn lực của Nhà nước và toàn xã hội để bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị hệ thống các di tích lịch sử, văn hóa, góp phần tuyên truyền, giáo dục truyền thống yêu nước, cách mạng, nâng cao lòng tự hào dân tộc, giới thiệu quảng bá hình ảnh mảnh đất, con người Quảng Trị, kết hợp với việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà.

2. Mục tiêu cụ thể

- Đến 2015, 100% di tích của tỉnh được kiểm kê, hoàn thành việc cắm mốc chỉ giới khoanh vùng bảo vệ và được cấp Giấy chứng nhận sử dụng đất;

- Đến 2020, 100% di tích cấp tỉnh hoàn thành việc xây dựng bia, biển;

- Đến 2020, 100% di tích quốc gia đã phân cấp cho các huyện, thị, thành phố quản lý, khai thác sử dụng và một số di tích cấp tỉnh tiêu biểu được đầu tư phục dựng, tôn tạo;

- Hoàn thành việc quy hoạch, đầu tư tôn tạo các hạng mục còn lại của các di tích quan trọng như: Thành Cổ Quảng Trị, Nhà đày Lao Bảo, Khu Lưu niệm Tổng Bí thư Lê Duẩn, Địa đạo Vịnh Mốc, đôi bờ Hiền Lương - Bến Hải, Căn cứ Dốc Miếu và Hàng rào điện tử Mc Namara;

- Tiếp tục nghiên cứu, kiểm kê lập hồ sơ xếp hạng di tích cấp tỉnh, nâng hạng các di tích cấp tỉnh có đủ tiêu chí lên di tích quốc gia. Đến năm 2014 hoàn thành 04 hồ sơ công nhận di tích quốc gia đặc biệt: Thành Cổ Quảng Trị và các di tích liên quan sự kiện 81 ngày đêm bảo vệ Thành Cổ, Khu Lưu niệm Tổng Bí thư Lê Duẩn, Địa đạo Vịnh Mốc và Hệ thống làng hầm Vĩnh Linh, đôi bờ Hiền Lương - Bến Hải.

II. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Về đầu tư và cơ chế thực hiện

a) Các di tích cấp quốc gia

- Các di tích quốc gia tiêu biểu (gồm 10 di tích): trong đó có 06 di tích tiếp tục đầu tư là: Thành Cổ Quảng Trị, Nhà đày Lao Bảo, Khu Lưu niệm Tổng Bí thư Lê Duẩn, Địa đạo Vịnh Mốc, đôi bờ Hiền Lương - Bến Hải, Căn cứ Dốc Miếu và Hàng rào điện tử Mc Namara; và 04 di tích đầu tư mới là: cảng Quân sự Đông Hà, các điểm vượt Đường 9 của hệ thống đường Hồ Chí Minh, địa điểm xuất phát đường dây 559, địa điểm trận địa tên lửa bắn rơi máy bay B52 đầu tiên ở Việt Nam: thực hiện lập dự án "Quy hoạch tổng thể đầu tư tôn tạo hệ thống di tích lịch sử, văn hóa tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2014 - 2020" trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và bố trí ngân sách Trung ương kết hợp với ngân sách đối ứng của tỉnh và xã hội hóa để đầu tư.

- Các di tích quốc gia khác (gồm 13 di tích) đã được phân cấp cho UBND huyện, thị, thành phố trực tiếp quản lý, thực hiện huy động nguồn vốn từ dự án chống xuống cấp, tu bổ và tôn tạo của Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa, các nguồn hỗ trợ khác của Trung ương được phân bổ hàng năm cho tỉnh và nguồn đối ứng từ ngân sách tỉnh, theo tỷ lệ: 50/50.

b) Các di tích cấp tỉnh

Các di tích cấp tỉnh đã được phân cấp cho các UBND huyện, thị xã, thành phố và UBND xã, phường, thị trấn trực tiếp quản lý, sử dụng bao gồm 351 di tích được phân chia thành 03 nhóm đầu tư như sau:

+ Nhóm đầu tư có quy mô đầu tư tôn tạo, phục dựng giá trị công trình tối thiểu từ 200 - 300 triệu đồng/di tích (gồm 23 di tích): huy động nguồn lực đầu tư theo hình thức ngân sách tỉnh: 50%, ngân sách huyện, thị xã, thành phố: 30%, ngân sách xã, phường, thị trấn và xã hội hóa: 20%;

+ Nhóm đầu tư dựng bia, đài di tích, giá trị tối thiểu 50 triệu đồng/di tích (gồm 67 di tích): huy động nguồn lực theo hình thức: ngân sách huyện, thị xã, thành phố: 70%; và xã hội hóa: 30%;

- Nhóm đầu tư cấm biển di tích giá trị tối thiểu 20 triệu đồng/di tích (gồm 261 di tích): huy động nguồn lực theo hình thức: ngân sách xã, phường, thị trấn và huy động xã hội hóa.

(Phụ lục I, II, III)

2. Tập trung chỉ đạo các ngành và chính quyền các cấp, các tổ chức chính trị xã hội thực hiện tốt công tác tuyên truyền về ý nghĩa của các di tích lịch sử, văn hóa nhằm nâng cao nhận thức của nhân dân về việc giữ gìn, bảo tồn, phát huy giá trị của các di tích. Thực hiện lồng ghép các cuộc vận động xây dựng nông thôn mới, xây dựng đời sống văn hóa với việc bảo tồn, phát huy các giá trị di tích trên địa bàn. Vận động mỗi đơn vị, tập thể nhận giữ gìn, bảo tồn đối với một địa chỉ di tích.

3. Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với việc quản lý và phát huy các di tích trên địa bàn. Tập trung chỉ đạo thực hiện việc kiểm kê hồ sơ di tích, khoanh vùng bảo vệ, cắm mốc chỉ giới, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các di tích hoàn thành trước năm 2015. Rà soát và đề xuất chính xác về tên gọi, hoàn thành hồ sơ công nhận di tích đặc biệt cấp quốc gia, báo cáo cơ quan có thẩm quyền để trình Thủ tướng Chính phủ công nhận.

4. Hàng năm trình HĐND tỉnh quyết định đầu tư đối với các di tích, trong đó ưu tiên đầu tư tôn tạo bằng ngân sách nhà nước các cấp và các nguồn huy động hợp pháp khác đối với các di tích thuộc loại hình lịch sử (cách mạng kháng chiến) và di tích khảo cổ quan trọng, những di tích có tác động trực tiếp đến công tác giáo dục truyền thống cách mạng và các di tích phục vụ hoạt động du lịch. Ưu tiên bố trí đầu tư đối với các địa phương có số lượng lớn các di tích lịch sử cách mạng trong danh mục đầu tư.

Gắn đầu tư tôn tạo với bảo vệ, quản lý khai thác và phát huy giá trị các di tích. Công tác trùng tu, tôn tạo, dựng bia, biển các di tích phải được thực hiện bằng các vật liệu có độ bền vững cao, đảm bảo tính chân thực, chính xác về nội dung, ý nghĩa lịch sử; đẹp về hình thức, trang trọng về cách thể hiện, thực hiện đúng theo Luật Di sản văn hóa và các quy định hiện hành.

5. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa, huy động các nguồn lực đối với việc đầu tư, tu bổ, tôn tạo các di tích bằng nhiều hình thức. Coi trọng xây dựng chương trình các lễ hội văn hóa, lễ hội cách mạng gắn với phát huy giá trị di tích với các quy mô thích hợp, có chiều sâu để tránh chông chéo, lãng phí.

III. NHU CẦU KINH PHÍ VÀ PHÂN KỲ ĐẦU TƯ

- Nhu cầu kinh phí cần thiết để tôn tạo, tu bổ hệ thống di tích gồm: các di tích quốc gia được phân cấp cho huyện, thị xã, thành phố quản lý; các di tích cấp tỉnh phân cấp cho UBND các huyện, thị xã, thành phố và UBND xã, phường, thị trấn trực tiếp quản lý (không tính các di tích quốc gia tiêu biểu do tỉnh quản lý mà Trung ương đầu tư) đến năm 2020, như sau:

Tổng kinh phí: 38,07 tỷ đồng

Trong đó:

- Ngân sách trung ương: 11,3 tỷ đồng;
- Ngân sách tỉnh: 14,75 tỷ đồng;
- Ngân sách cấp huyện: 4,42 tỷ đồng;
- Ngân sách xã và xã hội hóa: 7,6 tỷ đồng;

- Phân kỳ đầu tư các di tích quốc gia, cấp tỉnh được phân cấp cho UBND các huyện, thị xã, thành phố; xã, phường, thị trấn quản lý như sau:

Đơn vị tính: di tích

TT	Nội dung	Thời gian thực hiện								Tổng số
		2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	
1	Di tích quốc gia	01	01	05	03	03	02	01	01	17
2	Di tích cấp tỉnh	10	40	100	40	40	40	40	41	351

(Phụ lục IV, V)

Điều 2. Giao UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh phối hợp với Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên của Mặt trận giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh khóa VI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 31 tháng 7 năm 2013 và có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày thông qua.

CHỦ TỊCH

Lê Hữu Phúc

Phụ lục số I
DANH MỤC DI TÍCH CẤP TỈNH CẦN ĐẦU TƯ THUỘC NHÓM I
(MỨC ĐẦU TƯ TỪ 200 - 300 TRIỆU)
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2013/NQ-HĐND
ngày 31 tháng 7 năm 2013 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

1. THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ

Số TT	Tên di tích	Loại hình và địa điểm	Quyết định công nhận
1	Ngã ba Gia Độ	Lịch sử phường Đông Giang	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
2	Cầu sắt xóm đò	Lịch sử phường Đông Thanh	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
3	Nhà ông Nguyễn Khuyến	Lịch sử phường Đông Lương	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
4	Cầu Lai Phước	Lịch sử phường Đông Lương	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
5	Nhà thờ họ Nguyễn Khắc	Lịch sử phường Đông Lễ	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
Cộng: 05 di tích		Từ 01 tỷ - 1,5 tỷ	

2. HUYỆN VĨNH LINH

Số TT	Tên di tích	Loại hình và địa điểm	Quyết định công nhận
1	Vụ thảm sát Liêm Công Tây năm 1948	Lịch sử xã Vĩnh Hiền	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
2	Hệ thống hầm ngầm Vĩnh Tiến - Nam Hồ	Lịch sử thị trấn Hồ Xá	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
3	Bến phà Phúc Lâm	Lịch sử xã Vĩnh Long	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
4	Địa điểm trận địa pháo mặt đất Mỹ Hội	Lịch sử xã Vĩnh Trung	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
5	Đảo Cồn Cỏ	Lịch sử huyện Cồn Cỏ	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
6	Địa đạo Mỹ - Tú	Lịch sử xã Vĩnh Tú	Số 2187/2004/QĐ ngày 16/7/2004
7	Địa đạo Tân Mỹ	Lịch sử xã Vĩnh Giang	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
8	Chiến khu Thủy Ba	Lịch sử xã Vĩnh Thủy	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
Cộng: 08 di tích		Từ 1,6 tỷ - 2,4 tỷ	

3. CAM LỘ

Số TT	Tên di tích	Loại hình và địa điểm	Quyết định công nhận
1	Vụ thảm sát Cù năm 1947	Lịch sử xã Cam Chính	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
Cộng: 01 di tích		200 triệu đến 300 triệu	

4. HUYỆN TRIỆU PHONG

Số TT	Tên di tích	Loại hình và địa điểm	Quyết định công nhận
1	Dinh chúa Trà Bát	Lịch sử xã Triệu Giang	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
Cộng: 01 di tích		200 triệu đến 300 triệu	

5. HUYỆN GIO LINH

Số TT	Tên di tích	Loại hình và địa điểm	Quyết định công nhận
1	Địa điểm ghi dấu chiến công “Bạch Đằng trên sông Hiếu”	Lịch sử xã Gio Quang	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
2	Địa điểm đồn Bến Ngự	Lịch sử xã Gio Mỹ	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
Cộng: 02 di tích		400 triệu đến 600 triệu	

6. HUYỆN HẢI LĂNG

Số TT	Tên di tích	Loại hình và địa điểm	Quyết định công nhận
1	Địa điểm chiến thắng Ba Du - Cổ Lũy - Phương Lang	Lịch sử xã Hải Ba	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
2	Đình làng Mai Đàn	Kiến trúc nghệ thuật xã Hải Lâm	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
3	Địa điểm vườn nhà Ông Sam	Lịch sử xã Hải Phú	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
4	Địa điểm chiến thắng Lương Điền	Lịch Sử xã Hải Sơn	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
5	Đình làng Văn Trị	Kiến trúc nghệ thuật xã Hải Tân	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
6	Địa điểm chiến thắng Câu Nhi	Lịch sử xã Hải Tân	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
Tổng cộng: 06 di tích		Từ 1,2 tỷ đến 1,8 tỷ	

Tổng cộng nhóm I: 23 di tích, mức đầu tư từ 4,6 tỷ đến 6,9 tỷ đồng.

Phụ lục số II
DANH MỤC DI TÍCH CẤP TỈNH CẦN ĐẦU TƯ THUỘC NHÓM II
(MỨC ĐẦU TƯ 50 TRIỆU)

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2013/NQ-HĐND
ngày 31 tháng 7 năm 2013 của HĐND tỉnh Quảng Trị)*

1. HUYỆN VĨNH LINH

Số TT	Tên di tích	Loại hình và địa điểm	Quyết định công nhận
01	Ngã ba Hiền Lương	Lịch sử xã Vĩnh Thành	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
02	Địa điểm trụ sở Đảng ủy khu vực Vĩnh Linh (1965 - 1968)	Lịch sử xã Vĩnh Hiền	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
03	Địa đạo Đội 7	Lịch Sử xã Vĩnh Hòa	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
04	Địa điểm trận địa đồi 35C	Lịch sử xã Vĩnh Nam	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
05	Địa đạo Thủy Bắc	Lịch sử xã Vĩnh Kim	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
06	Địa đạo Đội 1	Lịch sử xã Vĩnh Kim	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
07	Địa đạo cửa Hang và Trong Môn	Lịch sử xã Vĩnh Kim	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
08	Địa đạo Ke Ba (địa đạo Đội 5)	Lịch sử xã Vĩnh Thạch	Số 2187/2004/QĐ ngày 16/7/2004
09	Địa đạo Lò Vôi	Lịch sử xã Vĩnh Thạch	Số 2187/2004/QĐ ngày 16/7/2004
10	Địa đạo Mụ Giai	Lịch sử thị trấn Cửa Tùng	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
11	Địa đạo Tân Lý	Lịch sử thị trấn Cửa Tùng	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
12	Địa điểm Miếu Bà	Lịch sử xã Vĩnh Thái	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
13	Miếu Thành Hoàng	Lịch sử xã Vĩnh Lâm	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
14	Địa điểm những bến đò ngang trên sông Bến Hải	Lịch sử xã Vĩnh Sơn	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
15	Địa điểm Bãi Hà	Lịch sử xã Vĩnh Hà	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
16	Sở Chỉ huy Chiến dịch tấn công giải phóng Quảng Trị 1972	Lịch sử xã Vĩnh Hà	Số 707/QĐ-UB, ngày 12/7/1996
17	Địa đạo Cỏ Trai Đông	Lịch sử xã Vĩnh Giang	Số 2187/2004/QĐ ngày 16/7/2004
18	Bến đò Lũy (bến đò C)	Lịch sử xã Vĩnh Giang	Số 2187/2004/QĐ ngày 16/7/2004
Cộng: 18		900 triệu	

2. HUYỆN GIO LINH

Số TT	Tên di tích	Loại hình và địa điểm	Quyết định công nhận
1	Căn cứ Quán Ngang	Lịch sử xã Gio Quang	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
2	Sở Chỉ huy Bộ Tư lệnh Đoàn 559 (1973 - 1976)	Lịch sử xã Gio An	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
3	Địa điểm ghi dấu trận chống càn Diêm Hà 1964	Lịch sử xã Gio Hải	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
4	Địa điểm áp chiến lược Lữ Môn	Lịch sử xã Gio Phong	Số 2187/QĐ-UB ngày 16/4/2004
5	Đồi 41	Lịch sử xã Gio An	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
6	Chợ An Nha	Lịch sử xã Gio An	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
7	Địa điểm Ba Dốc	Lịch sử xã Gio Phong	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
8	Địa điểm ghi dấu trận chống càn Phước Sa 1968	Lịch sử xã Gio Quang	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
9	Địa điểm Miếu Cao Sơn	Lịch sử xã Gio Sơn	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
10	Khu xóm dưới thôn Lạc Tân	Lịch sử xã Gio Phong	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
11	Hệ thống các công trình dẫn thủy cổ Gio Sơn	Văn hóa nghệ thuật xã Gio Sơn	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
Cộng: 11 di tích		550 triệu	

3. HUYỆN HƯỚNG HÓA

Số TT	Tên di tích	Loại hình và địa điểm	Quyết định công nhận
1	Đồi Cù Bốc	Lịch sử thị trấn Khe Sanh	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
2	Địa điểm đồn điền Mụ Rôm	Lịch sử xã Tân Hợp	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
3	Chiến thắng Động Tri 1968	Lịch sử xã Hướng Tân	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
4		Khảo cổ xã Hướng Lập	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
5	Húc Ván và Troài	Lịch sử xã Húc	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
Cộng: 05 di tích		250 triệu	

4. HUYỆN CAM LỘ

Số TT	Tên di tích	Loại hình và địa điểm	Quyết định công nhận
1	Địa điểm ghi dấu trận chông càn Rẫy Dương	Lịch sử xã Cam Thủy	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
2	Địa điểm ghi dấu trận đánh ngã tư Sòng	Lịch sử xã Cam An	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
3	Địa điểm ghi dấu phong trào Đồng khởi ở Cù	Lịch sử xã Cam Chính	Số 2187/QĐ-UB ngày 16/7/2004
Cộng: 03 di tích		150 triệu	

5. THỊ XÃ QUẢNG TRỊ

Số TT	Tên di tích	Loại hình và địa điểm	Quyết định công nhận
1	Địa điểm tòa Khâm Sứ	Lịch sử phường 1	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
2	Đình làng Như Lệ	Lịch sử cách mạng xã Hải Lệ	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
Cộng: 02 di tích		100 triệu	

6. HUYỆN ĐAKRÔNG

Số TT	Tên di tích	Loại hình và địa điểm	Quyết định công nhận
1	Địa điểm quận lỵ Ba Lòng	Lịch sử xã Ba Lòng	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
2	Khu ủy Trị Thiên	Lịch sử xã Ba Nang	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
Cộng: 02 di tích		100 triệu	

7. HUYỆN TRIỆU PHONG

Số TT	Tên di tích	Loại hình và địa điểm	Quyết định công nhận
1	Địa điểm Sân bay Ái Tử	Lịch sử thị trấn Ái Tử	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
2	Địa điểm Cồn Muồng	Lịch sử xã Triệu Phước	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
3	Địa điểm Cồn Hàng	Lịch sử xã Triệu Sơn	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
4	Địa điểm phía Đông làng An Hưng	Lịch sử xã Triệu Tài	
5	Địa điểm xóm ngoài Bích La Nam	Lịch sử xã Triệu Đông	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
6	Địa điểm nhà ông Lê Kiếm	Lịch sử xã Triệu Thượng	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
Cộng: 06 di tích		300 triệu	

8. HUYỆN HẢI LĂNG

Số TT	Tên di tích	Loại hình và địa điểm	Quyết định công nhận
1	Địa điểm cầu Bốn Thước	Lịch sử xã Hải Sơn	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
2	Địa điểm vụ thám sát Quy Thiện	Lịch sử xã Hải Quy	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
3	Địa điểm vụ thám sát Kim Giao	Lịch sử xã Hải Dương	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
4	Vụ thám sát Trung An - Thâm Khê	Lịch sử xã Hải Khê	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
5	Địa điểm nhà bà Thơ	Lịch sử xã Hải Phú	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
6	Địa điểm nhà ông Nguyễn Xột	Lịch sử xã Hải Dương	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
7	Địa điểm phía Đông thôn Thuận Đầu	Lịch sử xã Hải An	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
8	Địa điểm nhà ông Trần Duy Bá	Lịch sử xã Hải Dương	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
9	Địa điểm chiến thắng An Thơ	Lịch sử xã Hải Hoà	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
10	Mũi hói Kim Long	Lịch sử xã Hải Quế	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
11	Cầu sắt Phương Lang	Lịch sử xã Hải Ba	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
12	Địa điểm Trường Tiểu học Thượng Xá	Lịch sử xã Hải Thượng	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
13	Địa điểm xóm ngoài Cổ Luỹ	Lịch sử xã Hải Ba	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
14	Địa điểm ngã ba ông Quyền	Lịch sử xã Hải Ba	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
15	Địa điểm khe Đoàn Phương Lang Tây	Lịch sử xã Hải Ba	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
16	Địa điểm xóm tả Lam Thủy	Lịch sử xã Hải Vĩnh	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
17	Địa điểm chợ Diên Sanh	Lịch sử xã Hải Thọ	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
18	Địa điểm chiến thắng Hà Lỗ - Cầu Nhi	Lịch sử xã Hải Tân	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
19	Địa điểm Quán Quýt	Lịch sử xã Hải Thượng	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
20	Xóm Nổ Trung Đơn	Lịch sử xã Hải Thành	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
Cộng: 20 di tích		01 tỷ	

Tổng cộng nhóm II: 67 di tích**03 tỷ 350 triệu**

Phụ lục số III
DANH MỤC DI TÍCH CẤP CẢN ĐẦU TƯ THUỘC NHÓM III
(MỨC ĐẦU TƯ TỪ 20 TRIỆU)

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2013/NQ-HĐND
ngày 31 tháng 7 năm 2013 của HĐND tỉnh Quảng trị)*

1. THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ

Số TT	Tên di tích	Loại hình và địa điểm	Quyết định công nhận
1	Địa điểm nhà thờ họ Hoàng	Lịch sử phường 2	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
2	Đồi cây Gõ	Lịch sử phường Đông Lương	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
Cộng: 02 di tích		40 triệu	

2. HUYỆN GIO LINH

Số TT	Tên di tích	Loại hình và địa điểm	Quyết định công nhận
1	Nhà ông Dương Diễn	Lịch sử thị trấn Gio Linh	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
2	Rú Hoàng Hà	Lịch sử xã Gio Việt	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
3	Vườn nhà ông Phạm Chít	Lịch sử xã Gio An	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
4	Chùa Long Phước	Lịch sử xã Gio An	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
5	Cồn Ràng	Lịch sử xã Gio An	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
6	Bình độ 100	Lịch sử xã Gio An	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
7	Ngầm bến Than	Lịch sử xã Vĩnh Trường	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
8	Địa điểm xóm Khe	Lịch sử xã Gio Châu	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
9	Chợ Kênh	Lịch sử xã Trung Sơn	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
10	Địa điểm cây mung bọc Trén	Nghệ thuật	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
11	Địa điểm tháp Chăm An Xá	Khảo cổ xã Trung Sơn	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
12	Địa điểm Trại tập trung Cửa Việt	Lịch sử xã Gio Việt	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
13	Địa điểm huyện đường Gio Linh	Lịch sử thị trấn Gio Linh	2187/QĐ-UB ngày 16/4/2004
14	Địa điểm chiến thắng Cát Lài	Lịch sử xã Gio Mỹ	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
15	Hệ thống dẫn Thủy cổ An Mỹ	Khảo cổ xã Gio Mỹ	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996

Số TT	Tên di tích	Loại hình và địa điểm	Quyết định công nhận
16	Địa điểm chiến thắng Cu Đình - Ba De	Lịch sử xã Linh Thượng	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
17	Địa điểm nhà ông Lê Mậu Tường	Lịch sử xã Gio Phong	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
18	Khe Me	Lịch sử xã Vĩnh Trường	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
19	Lòi Thị	Lịch sử xã Gio Thành	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
20	Địa điểm phòng không Côn Điều	Lịch sử xã Trung Hải	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
21	Địa điểm đánh tàu xóm Vụng 1968	Lịch sử xã Gio Việt	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
22	Địa điểm chiến thắng đập Kinh	Lịch sử xã Trung Hải	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
23	Di chỉ Rú Bàu Đông	Khảo cổ xã Gio Mai	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
24	Địa điểm trận chống càn thôn Long Hà	Lịch sử xã Gio Việt	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
25	Địa điểm chiến thắng Xuân Long	Lịch sử xã Trung Hải	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
26	Nhà thờ họ Lê	Lịch sử xã Gio Việt	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
27	Địa điểm chùa Hải Chử	Lịch sử xã Trung Hải	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
28	Địa điểm thành lập Huyện ủy lâm thời Gio Linh	Lịch sử xã Gio Sơn	Số 2187/QĐ-UB ngày 16/4/2004
Cộng: 28 di tích		560 triệu	

3. HUYỆN VĨNH LINH

Số TT	Tên di tích	Loại hình và địa điểm	Quyết định công nhận
01	Địa điểm nhà ông Nhạn	Lịch sử xã Vĩnh Thành	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
02	Địa điểm trận địa xóm Rú	Lịch sử xã Vĩnh Thành	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
03	Địa điểm nhà ông Nguyễn Thước	Lịch sử xã Vĩnh Thành	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
04	Địa đạo Tân Trại Thượng	Lịch sử xã Vĩnh Thành	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
05	Địa đạo Hiền Lương	Lịch sử xã Vĩnh Thành	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
06	Địa đạo Liêm Công Phường	Lịch sử xã Vĩnh Thành	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
07	Địa đạo xóm Mộ	Lịch sử xã Vĩnh Thành	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
08	Địa đạo xóm Rú	Lịch sử xã Vĩnh Thành	Số 2187/2004/QĐ-UB

Số TT	Tên di tích	Loại hình và địa điểm	Quyết định công nhận
			ngày 16/7/2004
09	Địa đạo Liêm Công Tây	Lịch sử xã Vĩnh Thành	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
10	Địa đạo Liêm Công Đông	Lịch sử xã Vĩnh Thành	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
11	Hệ thống địa đạo Hải quân (địa đạo bầu Sen, địa đạo Nam Hùng)	Lịch sử xã Vĩnh Nam	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
12	Địa đạo Khu đội Vĩnh Linh (địa đạo Quân sự)	Lịch sử xã Vĩnh Nam	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
13	Địa đạo Nam Phú	Lịch sử xã Vĩnh Nam	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
14	Địa đạo Nam Hùng	Lịch sử xã Vĩnh Nam	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
15	Địa đạo Nam Cường	Lịch sử xã Vĩnh Nam	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
16	Trụ sở Khu ủy Vĩnh Linh	Lịch sử xã Vĩnh Nam	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
17	Trận địa phòng không Ba Vòi	Lịch sử xã Vĩnh Hiền	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
18	Hậu cứ ban B - Gio Cam	Lịch sử xã Vĩnh Hiền	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
19	Địa đạo Tân Đức	Lịch sử xã Vĩnh Hiền	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
20	Địa đạo Bưu điện	Lịch sử xã Vĩnh Hiền	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
21	Địa đạo Đội 2 - Thái Hòa	Lịch sử xã Vĩnh Hiền	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
22	Địa đạo Tân An	Lịch sử xã Vĩnh Hiền	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
23	Địa đạo Đội 7	Lịch sử xã Vĩnh Hiền	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
24	Địa điểm nhà ông Trình	Lịch sử xã Vĩnh Hòa	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
25	Địa đạo Hiền Dũng	Lịch sử xã Vĩnh Hòa	Số 1148/QĐ-UB ngày 2/10/2004
26	Địa đạo Đội 6	Lịch sử xã Vĩnh Hòa	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
27	Địa đạo Giao tế	Lịch sử xã Vĩnh Hòa	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
28	Địa đạo Đội 11	Lịch sử xã Vĩnh Hòa	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
29	Địa đạo Đội 9	Lịch sử xã Vĩnh Hòa	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004

Số TT	Tên di tích	Loại hình và địa điểm	Quyết định công nhận
30	Địa đạo Đội 8	Lịch sử xã Vĩnh Hòa	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
31	Địa đạo Đội 10	Lịch sử xã Vĩnh Hòa	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
32	Địa đạo Đơn Thạnh	Lịch sử xã Vĩnh Hòa	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
33	Hệ thống địa đạo Công an Vũ trang	Lịch sử xã Vĩnh Hòa	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
34	Địa đạo Đội 1	Lịch sử xã Vĩnh Hòa	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
35	Địa đạo Đội 4	Lịch sử xã Vĩnh Hòa	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
36	Đình làng Thủy Cần	Lịch sử xã Vĩnh Kim	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
37	Địa điểm đôn Thủy Cần	Lịch sử xã Vĩnh Kim	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
38	Địa đạo xóm Sẻ	Lịch sử xã Vĩnh Kim	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
39	Địa đạo Rú Họ - Mã Dấu	Lịch sử xã Vĩnh Kim	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
40	Địa đạo Thôn Đông	Lịch sử xã Vĩnh Kim	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
41	Địa đạo Nương Do	Lịch sử xã Vĩnh Kim	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
42	Địa đạo thôn Roọc	Lịch sử xã Vĩnh Kim	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
43	Địa đạo 2 xóm Xuân	Lịch sử xã Vĩnh Kim	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
44	Địa đạo cây Sui	Lịch sử xã Vĩnh Kim	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
45	Địa đạo 1 xóm Xuân	Lịch sử xã Vĩnh Kim	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
46	Địa đạo xóm ông Cò và cây Mít	Lịch sử xã Vĩnh Kim	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
47	Địa đạo nhà ông Thung	Lịch sử xã Vĩnh Kim	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
48	Địa đạo Rú Cụt	Lịch sử xã Vĩnh Kim	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
49	Địa đạo thôn Tây	Lịch sử xã Vĩnh Kim	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
50	Địa đạo Đội 2	Lịch sử xã Vĩnh Kim	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004

Số TT	Tên di tích	Loại hình và địa điểm	Quyết định công nhận
51	Địa đạo Rú Mỹ Hội (cồn Hôi)	Lịch sử xã Vĩnh Kim	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
52	Địa đạo 2 Hương Nam	Lịch sử xã Vĩnh Kim	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
53	Địa đạo Đội 2	Lịch sử xã Vĩnh Kim	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
54	Địa đạo Cỏ Thạch	Lịch sử xã Vĩnh Thạch	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
55	Địa đạo Động Sỏi	Lịch sử xã Vĩnh Thạch	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
56	Địa đạo 3 xóm Bọc	Lịch sử xã Vĩnh Thạch	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
57	Địa đạo Cụm 1 - Vịnh Mốc	Lịch sử xã Vĩnh Thạch	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
58	Địa đạo Cụm 2 - Vịnh Mốc	Lịch sử xã Vĩnh Thạch	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
59	Địa đạo Cụm 3 - Vịnh Mốc	Lịch sử xã Vĩnh Thạch	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
60	Địa đạo 2 xóm Bọc	Lịch sử xã Vĩnh Thạch	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
61	Địa đạo An Đông	Lịch sử xã Vĩnh Thạch	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
62	Địa đạo An Cỏ	Lịch sử xã Vĩnh Thạch	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
63	Đền tứ vị Thánh Nương	Lịch sử xã Vĩnh Thạch	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
64	Địa điểm chiến thắng An Du Đông	Lịch sử xã Vĩnh Tân	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
65	Địa điểm trường phổ thông cơ sở Vĩnh Tân	Lịch sử xã Vĩnh Tân	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
66	Địa đạo xóm Đầu	Lịch sử xã Vĩnh Tân	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
67	Địa đạo An Du Đông	Lịch sử xã Vĩnh Tân	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
68	Địa đạo xóm Trầm	Lịch sử xã Vĩnh Tân	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
69	Địa đạo đội 2	Lịch sử xã Vĩnh Tân	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
70	Địa đạo xóm Trong	Lịch sử xã Vĩnh Tân	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
71	Địa điểm Miếu Bà Hỏa	Lịch sử xã Vĩnh Trung	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
72	Địa điểm trận địa súng phòng không 12 ly 7	Lịch sử xã Vĩnh Trung	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
73	Địa đạo 5 - 6 Thủy Trung	Lịch sử xã Vĩnh Trung	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004

Số TT	Tên di tích	Loại hình và địa điểm	Quyết định công nhận
74	Địa đạo Đội 10	Lịch sử xã Vĩnh Trung	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
75	Địa đạo Đội 9	Lịch sử xã Vĩnh Trung	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
76	Địa đạo Đội 8	Lịch sử xã Vĩnh Trung	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
77	Địa đạo 7,8	Lịch sử xã Vĩnh Trung	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
78	Địa đạo thôn Đông	Lịch sử xã Vĩnh Trung	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
79	Địa đạo Đội 3 - 4	Lịch sử xã Vĩnh Trung	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
80	Địa đạo Đội 2 (địa đạo công an vũ trang)	Lịch sử xã Vĩnh Trung	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
81	Địa đạo Bãi Tra	Lịch sử thị trấn Cửa Tùng	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
82	Địa đạo Hòa Lý	Lịch sử thị trấn Cửa Tùng	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
83	Địa đạo Mọi Ruộng	Lịch sử thị trấn Cửa Tùng	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
84	Địa đạo đồn Công an Cửa Tùng	Lịch sử thị trấn Cửa Tùng	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
85	Địa đạo 1 An Đức	Lịch sử thị trấn Cửa Tùng	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
86	Địa đạo Mũi Si	Lịch sử thị trấn Cửa Tùng	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
87	Đồn Công an Cửa Tùng	Lịch sử thị trấn Cửa Tùng	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
88	Trận địa phòng không 12 ly 7 Tân Thuận	Lịch sử xã Vĩnh Thái	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
89	Địa điểm trận địa DKZ	Lịch sử xã Vĩnh Thái	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
90	Địa điểm Troọc Hàm	Lịch sử xã Vĩnh Tú	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
91	Địa điểm trận địa pháo cao xạ 37 ly	Lịch sử xã Vĩnh Tú	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
92	Địa đạo thôn Tây 1	Lịch sử xã Vĩnh Tú	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
93	Địa đạo 1 thôn Tây 2	Lịch sử xã Vĩnh Tú	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
94	Địa đạo 2 thôn Tây 2	Lịch sử xã Vĩnh Tú	2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
95	Địa điểm nhà cụ Nghiêm	Lịch sử xã Vĩnh Thủy	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
96	Trận địa đồi 74	Lịch sử xã Vĩnh Thủy	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996

Số TT	Tên di tích	Loại hình và địa điểm	Quyết định công nhận
97	Hầm ngầm đồi 74	Lịch sử xã Vĩnh Thủy	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
98	Địa đạo đồi 31	Lịch sử xã Vĩnh Sơn	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
99	Địa điểm giàn loa phóng thanh	Lịch sử xã Vĩnh Sơn	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
100	Địa điểm Cây Tăm	Lịch sử xã Vĩnh Ô	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
101	Địa điểm bản Thúc	Lịch sử xã Vĩnh Ô	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
102	Địa điểm bản Cù Bạc	Lịch sử xã Vĩnh Ô	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
103	Địa điểm khe Nưa	Lịch sử xã Vĩnh Ô	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
104	Địa điểm khe La Bá	Lịch sử xã Vĩnh Ô	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
105	Địa điểm Ba Buôi	Lịch sử xã Vĩnh Hà	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
106	Địa điểm khe Tiên	Lịch sử xã Vĩnh Hà	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
107	Địa đạo công an khe Hó	Lịch sử xã Vĩnh Hà	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
108	Địa điểm đồn Cháp Lễ	Lịch sử xã Vĩnh Cháp	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
109	Đồn Mũi Rú (đồn Tân Trại Hạ)	Lịch sử xã Vĩnh Giang	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
110	Miếu Khai canh (Miếu Đồi)	Lịch sử xã Vĩnh Giang	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
111	Địa đạo Tùng Luật	Lịch sử xã Vĩnh Giang	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
112	Địa đạo xóm Đỏ	Lịch sử xã Vĩnh Giang	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
113	Địa đạo Di Loan	Lịch sử xã Vĩnh Giang	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
114	Địa đạo Cỏ Trai Tây	Lịch sử xã Vĩnh Giang	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
115	Địa đạo Cỏ Mỹ	Lịch sử xã Vĩnh Giang	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
116	Địa đạo 2 Tân Mỹ	Lịch sử xã Vĩnh Giang	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
117	Địa đạo 3 Tân Mỹ	Lịch sử xã Vĩnh Giang	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
118	Khu vực thành Cỏ Lũy	Lịch sử xã Vĩnh Giang	Số 2187/2004/QĐ-UB ngày 16/7/2004
119	Tháp Chăm Duy Viên	Khảo cổ xã Vĩnh Lâm	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
	Cộng: 119		02 tỷ 380 triệu

4. HUYỆN HUƠNG HÓA

Số TT	Tên di tích	Loại hình và địa điểm	Quyết định công nhận
1	Địa điểm bản Khách rừng A Lang	Lịch sử xã A Dơi	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
2	Địa điểm đường mòn Khe Ku Pu Rơ	Lịch sử cách mạng xã Thanh	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
3	Đường mòn Ka Díp	Lịch sử cách mạng xã Thanh	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
4	Địa điểm khe Cu Đông	Lịch sử xã A Xing	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
5	Địa điểm đường mòn Dốc Chao	Lịch sử xã Xi	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
6	Địa điểm núi Cô Ka Lui	Lịch sử xã A Túc	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
7	Cao điểm Phu Nhoi	Lịch sử xã Pa Tầng	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
8	Cao điểm Ca Tang và Tà Phúc	Lịch sử xã Hương Tân	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
9	Động Voi Mẹp	Lịch sử xã Hương Linh	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
10	Đồi Ca Mu Vông	Lịch sử xã Xy	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
11	Địa điểm đồi Xa La Pha Điền	Lịch sử xã Hương Lộc	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
12	Đường suối Pe Sai	Lịch sử xã Thuận	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
13	Nguồn Ba Lãng	Lịch sử xã A Túc	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
14	Đồi A Ho	Nghệ thuật	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
Cộng: 14 di tích		280 triệu	

5. HUYỆN CAM LỘ

Số TT	Tên di tích	Loại hình và địa điểm	Quyết định công nhận
1	Địa điểm đình Cam Vũ	Lịch sử xã Cam Thanh	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
2	Địa điểm động Đàn Bầu	Lịch sử xã Cam Thanh	Số 2187/QĐ-UB ngày 16/7/2004
3	Địa điểm trận đánh Pháp tại km 8, Quốc lộ 9	Lịch sử xã Cam Hiếu	Số 2187/QĐ-UB ngày 16/7/2004
4	Động Quai Vạc	Lịch sử xã Cam Hiếu	Số 2187/QĐ-UB ngày 16/7/2004
5	Trận đánh vùng Sầm 1952	Lịch sử xã Cam Chính	Số 2187/QĐ-UB ngày 16/7/2004
6	Địa điểm chợ Cam Thủy	Lịch sử xã Cam Thủy	Số 2187/QĐ-UB ngày 16/7/2004

7	Tổng trạm thông tin A30	Lịch sử xã Cam Thành	Số 2187/QĐ-UB ngày 16/7/2004
8	Địa điểm Khu tập trung Tân Trường	Lịch sử xã Cam Thành	Số 2187/QĐ-UB ngày 16/7/2004
9	Địa điểm trận địa pháo Tân Trường	Lịch sử xã Cam Thành	Số 2187/QĐ-UB ngày 16/7/2004
10	Hầm mộ liệt sỹ tập thể xã Cam Thành	Lịch sử xã Cam Thành	Số 2187/QĐ-UB ngày 16/7/2004
11	Địa điểm đồn Thượng Nghĩa	Lịch sử xã Cam Nghĩa	Số 2187/QĐ-UB ngày 16/7/2004
12	Chùa An Thái	Lịch sử xã Cam Tuyền	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
13	Tháp Chăm Kim Châu	Khảo cổ xã Cam An	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
14	Hầm mộ liệt sỹ thôn An Hưng	Lịch sử thị trấn Cam Lộ	Số 2187/QĐ-UB ngày 16/7/2004
Cộng: 14 di tích		280 triệu	

6. HUYỆN ĐAKRÔNG

SỐ TT	Tên di tích	Loại hình và địa điểm	Quyết định công nhận
1	Động Toàn	Lịch sử xã Mò Ó	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
2	Vụ thám sát Hường Điền	Lịch sử xã Tà Rụt	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
3	Trạm đường dây liên lạc 559	Lịch sử cách mạng xã Đakrông	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
4	Địa điểm Quân y Viện 88	Lịch sử xã Tà Long	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
5	Địa điểm Trại Cá	Lịch sử xã Tà Long	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
6	Địa điểm Pông A Nang	Lịch sử xã A Ngo	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
7	Đồi Cà Lười	Lịch sử xã A Ngo	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
8	Đồi Cô Ca Va	Lịch sử xã Tà Rụt	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
9	Địa điểm A Căng Tu Tuôi	Lịch sử xã A Ngo	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
10	Đồi Tung Hàng	Lịch sử xã Tà Rụt	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
11	Kho G	Lịch sử xã Hường Hiệp	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
12	Địa điểm khe U Sau	Lịch sử xã Tà Rụt	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
13	Địa điểm cầu khe Van	Lịch sử xã Hường Hiệp	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
14	Địa điểm áp chiến lược Vùng Kho	Lịch sử xã Đakrông	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996

15	Đồi 400	Lịch sử xã A Ngo	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
16	Đồi Động Cho	Lịch sử xã Đak rông	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
17	Cầu Rào Quán	Lịch sử xã Đak rông	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
18	Địa điểm trận địa pháo 202 Tà Lao	Lịch sử xã Tà Long	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
19	Địa điểm khe Ô	Lịch sử xã Triệu Nguyên	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
20	Địa điểm khe Đào Làng An	Lịch sử xã Triệu Nguyên	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
21	Địa điểm bên suối Trà Lao	Lịch sử xã Triệu Nguyên	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
22	Địa điểm công làng Tân Trà	Lịch sử xã Ba Lòng	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
23	Di chỉ Đá nổi	Khảo cổ xã Ba Lòng	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
Cộng: 23 di tích		460 triệu	

7. THỊ XÃ QUẢNG TRỊ

Số TT	Tên di tích	Loại hình và địa điểm	Quyết định công nhận
01	Nhà ông Tổng Trọng	Lịch sử cách mạng xã Hải Lệ	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
02	Nhà thờ Đá Hàn	Khảo cổ phường 1	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
Cộng: 02 di tích		40 triệu	

8. HUYỆN TRIỆU PHONG

Số TT	Tên di tích	Loại hình và địa điểm	Quyết định công nhận
1	Địa điểm Đàn Âm Hồn	Lịch sử xã Triệu Trung	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
2	Địa điểm nhà ông Lương Khoan	Lịch sử xã Triệu Trung	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
3	Địa điểm cồn Giàng Ngô Xá Tây	Lịch sử xã Triệu Trung	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
4	Địa điểm bến đò Dương Xuân	Lịch sử xã Triệu Phước	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
5	Địa điểm nhà bà Nguyễn Thị Gái	Lịch sử xã Triệu Phước	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
6	Khu Mã Chiềng, An Hưng	Lịch sử xã Triệu Phước	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
7	Địa điểm bến đò Phú Liêu	Lịch sử xã Triệu Phước	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
8	Địa điểm nhà ông Nguyễn Huấn	Lịch sử xã Triệu Phước	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996

9	Ngã ba đi Hà Xá	Lịch sử xã Triệu Giang	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
10	Địa điểm cồn Giàng Trà Liên	Khảo cổ xã Triệu Giang	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
11	Địa điểm Trường cấp I, II Triệu Giang	Khảo cổ xã Triệu Giang	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
12	Chợ Phong An	Lịch sử xã Triệu Ái	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
13	Địa điểm bãi cát thôn 8	Lịch sử xã Triệu Vân	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
14	Địa điểm đôn cát thôn 9	Lịch sử xã Triệu Vân	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
15	Địa điểm động Ông Do	Lịch sử xã Triệu Vân	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
16	Địa điểm Trường cấp I, II Triệu Vân	Lịch sử xã Triệu Vân	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
17	Địa điểm bãi cát thôn 3	Lịch sử xã Triệu Lăng	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
18	Địa điểm khu chợ định cư	Lịch sử xã Triệu Lăng	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
19	Địa điểm Lùm Đình	Lịch sử xã Triệu Trạch	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
20	Địa điểm nhà ông Lê Quang Sở	Lịch sử xã Triệu Long	Số 707/QĐ-UB, ngày 12/7/1996
21	Địa điểm trận chống càn Hà Lộ	Lịch sử Xã Triệu Long	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
22	Khu chợ Thuận và thành Thuận Châu	Khảo cổ xã Triệu Đại, Triệu Long	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
23	Địa điểm chợ Hà Tây	Lịch sử xã Triệu An	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
24	Địa điểm động muối Tường Vân	Nghệ thuật	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
25	Địa điểm động Mỡ	Nghệ thuật	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
26	Địa điểm Rú Bời Lời	Lịch sử xã Triệu Hòa	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
27	Địa điểm nhà ông Nguyễn Sơ - Lê Táo	Lịch sử xã Triệu Hòa	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
28	Địa điểm nhà ông Lê Quang Xuân	Lịch sử xã Triệu Hòa	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
29	Địa điểm bãi Sa Gia Độ	Lịch sử xã Triệu Độ	Số 707/QĐ-UB, ngày 12/7/1996
30	Quân cảng Cửa Việt	Lịch sử xã Triệu An	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
31	Miếu Trảo Trảo phu nhân	Kiến trúc nghệ thuật thị trấn Ái Tử	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
32	Cồn Giàng Dương Lệ	Khảo cổ xã Triệu Thành	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996

33	Địa điểm cồn Giàng Bích La Trung	Khảo cổ xã Triệu Đông	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
Cộng: 33 di tích		660 triệu	

9. HUYỆN HẢI LĂNG

Số TT	Tên di tích	Loại hình và địa điểm	Quyết định công nhận
1	Chợ Lùm Lòi	Lịch sử xã Hải Quy	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
2	Tháp Chăm Trà Lộc	Khảo cổ xã Hải Xuân	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
3	Địa điểm Mộ Doi, Diên Sanh	Lịch sử xã Hải Thọ	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
4	Khu cồn Chùa thôn Đông	Khảo cổ xã Hải Thiện	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
5	Địa điểm ngã tư Hội Yên	Lịch sử xã Hải Quế	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
6	Địa điểm Chi khu Mai Lĩnh	Lịch sử xã Hải Phú	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
7	Cầu La Buồm	Lịch sử xã Hải Quy	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
8	Địa điểm cầu khe Đúc xóm Chùa	Lịch sử xã Hải Dương	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
9	Địa điểm Cồn Lãng	Lịch sử xã Hải Thành	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
10	Địa điểm miếu Bà làng Trung An	Lịch sử xã Hải Khê	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
11	Địa điểm chiến khu Ba Cầu	Lịch sử xã Hải Thọ	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
12	Địa điểm chùa Kim Long	Lịch sử xã Hải Quế	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
13	Địa điểm chùa Phước Điền	Lịch sử xã Hải Thành	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
14	Địa điểm chùa Thâm Khê	Lịch sử xã Hải Khê	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
15	Khu tháp Trung Đon	Khảo cổ xã Hải Thành	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
16	Địa điểm UBND xã Hải Thành	Lịch sử xã Hải Thành	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
17	Địa điểm đồn Câu Hoan	Lịch sử xã Hải Thiện	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
18	Địa điểm đồn Câu Nhi	Lịch sử xã Hải Chánh	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
19	Địa điểm căn cứ La Vang	Lịch sử xã Hải Phú	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
20	Địa điểm cầu Dài	Lịch sử xã Hải Lâm	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996

21	Địa điểm căn cứ Tân Điền	Lịch sử xã Hải Sơn	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
22	Địa điểm ấp Trường Thọ	Lịch sử xã Hải Trường	Số 707/QĐ-UB, ngày 12/7/1996
23	Địa điểm đò Dốc Chương	Lịch sử xã Hải Lâm	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
24	Địa điểm Lãng Đen	Lịch sử xã Hải Vĩnh	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
25	Địa điểm Rú Hộp	Lịch sử xã Hải Thượng	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
26	Vùng Bàu chùa Câu Hoan	Lịch sử xã Hải Thiện	Số 707/QĐ-UB ngày 12/7/1996
Cộng: 26 di tích		520 triệu	

Tổng cộng nhóm 3: 261 di tích

05 tỷ 220 triệu

Phụ lục IV
TỔNG HỢP KINH PHÍ ĐẦU TƯ HỆ THỐNG DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HÓA
GIẢI ĐOẠN 2013 - 2020 PHÂN THEO ĐỊA PHƯƠNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2013/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2013 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị tính: triệu đồng

Đơn vị	Di tích quốc gia đã phân cấp cho cấp huyện (trừ di tích quốc gia tiêu biểu)		Nhóm 200 - 300 triệu đồng		Nhóm 50 triệu đồng		Nhóm 20 triệu đồng		Tổng số	
	Di tích	Số tiền	Di tích	Số tiền	Di tích	Số tiền	Di tích	Số tiền	Di tích	Số tiền
Đông Hà	01	300	5	1.500	-	-	2	40	8	1.840
Vĩnh Linh	01	1.000	8	2.400	18	900	119	2.380	146	10.980
Gio Linh	03	5.500	2	600	11	550	28	560	44	1.710
Cam Lộ	01	5.000	1	300	3	150	14	280	19	4.230
Triệu Phong	01	3.500	1	300	6	300	33	660	41	6.760
Thị xã Quảng Trị	04	5.300	-	-	2	100	2	40	5	1.140
Hải Lăng	-	-	6	1.800	20	1.000	26	520	52	8.320
Đakrông	01	1.000	-	-	2	100	23	460	26	1.560
Hương Hóa	01	1.000	-	-	5	250	14	280	20	1.530
Tổng	13	22.600	23	6.900	67	3.350	261	5.220	364	38.070

Phụ lục V
TỔNG HỢP NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ BẢO TỒN, TÔN TẠO, CHỐNG XUỐNG CẤP
HỆ THỐNG DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA TỈNH GIAI ĐOẠN 2013 - 2020
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2013/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2013 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị tính: tỷ đồng

Số TT	Danh mục di tích được phân theo nhóm	Tổng	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, thị, thành phố	Ngân sách cấp xã và xã hội hóa
1	Các di tích quốc gia phân cấp cho các huyện, thị, thành phố quản lý (gồm 06 di tích tiếp tục đầu tư và 07 di tích đầu tư mới)	22,6	11,3	11,3		
	Tỷ lệ %	100	50	50		
2	Các di tích cấp tỉnh cần tôn tạo phục dựng (gồm 23 di tích; mức đầu tư tối thiểu 200 - 300 triệu đồng/di tích)	6,9		3,45	2,07	1,38
	Tỷ lệ %	100		50	30	20
3	Các di tích cấp tỉnh cần dựng bia, đài (gồm 67 di tích; mức đầu tư tối thiểu 50 triệu đồng/di tích)	3,35			2,35	1,0
	Tỷ lệ %	100			70	30
4	Các di tích cấp tỉnh cần cắm biển (gồm 261 di tích; mức đầu tư tối thiểu 20 triệu đồng/di tích)	5,22				5,22
	Tỷ lệ %	100				100
	Tổng cộng:	38,07	11,3	14,75	4,42	7,6
	Tỷ lệ %	100	29,7	38,7	11,6	20